

Số: 43284 /CT-HT  
V/v trả lời chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2016

Kính gửi: Công ty TNHH Terumo Việt Nam  
(Đ/c: Lô 44A-44B-44C, KCN Quang Minh, H.Mê Linh, TP.Hà Nội)  
MST: 2500254567

Trả lời công văn số 1605/TVC-CV ngày 16/05/2016 của Công ty TNHH Terumo Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế nhà thầu, Cục thuế Thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Khoản 2 Điều 6 Chương II quy định về đối tượng chịu thuế GTGT:  
"Điều 6. Đối tượng chịu thuế GTGT"

2. Trường hợp hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 2 Chương I); hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế, các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí), kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì giá trị hàng hóa chỉ phải chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định, phần giá trị dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trường hợp hợp đồng không tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ đi kèm (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí) thì thuế GTGT được tính chung cho cả hợp đồng

Ví dụ 9:

Doanh nghiệp A ở Việt Nam ký hợp đồng mua dây chuyền máy móc thiết bị cho Dự án Nhà máy xi măng với Doanh nghiệp B ở nước ngoài. Tổng giá trị Hợp đồng là 100 triệu USD, bao gồm giá trị máy móc thiết bị là 80 triệu USD (trong đó có thiết bị thuộc diện chịu thuế GTGT với thuế suất 10%), giá trị dịch vụ hướng dẫn lắp đặt, giám sát lắp đặt, bảo hành, bảo dưỡng là 20 triệu USD.

Việc xác định nghĩa vụ thuế GTGT của Công ty B đối với giá trị hợp đồng ký với doanh nghiệp A như sau:

- Thuế GTGT được tính trên giá trị dịch vụ (20 triệu USD), không tính trên giá trị dây chuyền máy móc thiết bị nhập khẩu.

- Trường hợp Hợp đồng không tách riêng được giá trị dây chuyền máy móc thiết bị và giá trị dịch vụ thì thuế GTGT được tính trên toàn bộ giá trị hợp đồng (100 triệu USD)."



+ Tại Khoản 2 Điều 7 Chương II quy định về thu nhập chịu thuế TNDN:

*"Điều 7. Thu nhập chịu thuế TNDN"*

2. Trường hợp hàng hóa được cung cấp dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 2 Chương I); hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo một số dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như dịch vụ quảng cáo tiếp thị (marketing), hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ sau bán hàng, dịch vụ lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế và các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí), kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì thu nhập chịu thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là toàn bộ giá trị hàng hóa, dịch vụ.

Ví dụ 10:

Công ty A ở Việt Nam ký hợp đồng mua dây chuyền máy móc thiết bị cho Dự án Nhà máy xi măng với Công ty B ở nước ngoài. Tổng giá trị Hợp đồng là 100 triệu USD (không bao gồm thuế GTGT), bao gồm giá trị máy móc thiết bị là 80 triệu USD, giá trị dịch vụ hướng dẫn lắp đặt, giám sát lắp đặt, bảo hành, bảo dưỡng là 20 triệu USD.

Nghĩa vụ thuế TNDN của Công ty B đối với Giá trị hợp đồng được xác định như sau:

- Thuế TNDN được tính riêng đối với giá trị dây chuyền máy móc thiết bị nhập khẩu (80 triệu USD) và tính riêng đối với giá trị dịch vụ (20 triệu USD) theo từng tỷ lệ thuế TNDN theo quy định.

- Trường hợp Hợp đồng không xác định cụ thể giá trị dây chuyền máy móc thiết bị và giá trị dịch vụ thì tính thuế TNDN trên tổng giá trị hợp đồng (100 triệu USD) với tỷ lệ thuế TNDN theo quy định."

+ Tại Tiết b.6 Khoản 1 Điều 12 quy định về doanh thu tính thuế GTGT:

*"Điều 12. Thuế giá trị gia tăng:*

1. Doanh thu tính thuế GTGT:

b) Xác định doanh thu tính thuế GTGT đối với một số trường hợp cụ thể

b.6) Đối với dịch vụ chuyển phát quốc tế từ Việt Nam đi nước ngoài (không phân biệt người gửi hay người nhận trả tiền dịch vụ), doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu Nhà thầu nước ngoài nhận được.

Ví dụ 13:

Công ty A ở nước ngoài cung cấp dịch vụ chuyển phát bưu phẩm từ nước ngoài về Việt Nam và ngược lại. Doanh thu tính thuế GTGT của Công ty A được xác định như sau:

+ Đối với dịch vụ chuyển phát từ nước ngoài về Việt Nam (không phân biệt người gửi ở nước ngoài hay người nhận tại Việt Nam trả tiền dịch vụ) không thuộc diện chịu thuế GTGT;

+ Đối với dịch vụ chuyển phát từ Việt Nam ra nước ngoài (không phân biệt người gửi tại Việt Nam hay người nhận ở nước ngoài trả tiền dịch vụ), doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu Công ty A nhận được."



+ Tại Tiết b.8 Khoản 1 Điều 13 quy định về doanh thu tính thuế TNDN:

*"Điều 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp*

*1. Doanh thu tính thuế TNDN*

*b) Xác định doanh thu tính thuế TNDN đối với một số trường hợp cụ thể:*

*b.8) Đối với dịch vụ chuyển phát quốc tế từ Việt Nam đi nước ngoài (không phân biệt người gửi hay người nhận trả tiền dịch vụ), doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu Nhà thầu nước ngoài nhận được.*

*Ví dụ 22:*

*Công ty A ở nước ngoài cung cấp dịch vụ chuyển phát bưu phẩm từ nước ngoài về Việt Nam và ngược lại. Doanh thu tính thuế TNDN của Công ty A được xác định như sau:*

+ *Đối với dịch vụ chuyển phát từ nước ngoài về Việt Nam (không phân biệt người gửi ở nước ngoài hay người nhận tại Việt Nam trả tiền dịch vụ) không thuộc thu nhập chịu thuế TNDN;*

+ *Đối với dịch vụ chuyển phát từ Việt Nam ra nước ngoài (không phân biệt người gửi tại Việt Nam hay người nhận ở nước ngoài trả tiền dịch vụ), doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu Công ty A nhận được.*

- Căn cứ Tiết d Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ:

*"Điều 10. Quy định chung về khai thuế, tính thuế..."*

*...3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế*

*d) Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ 10 (mười), kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế."*

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty TNHH Terumo Việt Nam ký 2 hợp đồng với cùng một đơn vị cung cấp nước ngoài, 1 hợp đồng cung cấp thiết bị máy xử lý khí ga và 1 hợp đồng cung cấp dịch vụ lắp đặt và chạy thử máy thì đây thực chất là hoạt động cung cấp hàng hóa có dịch vụ kèm theo, đơn vị cung cấp nước ngoài thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu ở cả 2 hợp đồng trên, Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài, thời hạn nộp thuế nhà thầu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC nêu trên. Việc tính thuế nhà thầu được xác định như sau:

+ Về thuế GTGT: thuế GTGT được tính trên giá trị dịch vụ cung cấp, không tính trên giá trị hàng hóa nhập khẩu.

+ Về thuế TNDN: thuế TNDN được tính riêng đối với giá trị hàng hóa nhập khẩu và giá trị dịch vụ cung cấp theo từng tỷ lệ thuế TNDN theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Trường hợp Công ty TNHH Terumo Việt Nam nhập khẩu máy hút bụi, bên bán giao hàng tại trụ sở Công ty qua hình thức chuyển phát nhanh, đây thuộc trường hợp hàng hóa được cung cấp dưới hình thức điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam, do đó bên bán thuộc đối tượng chịu thuế nhà

thầu, Công ty có trách nhiệm kê khai và nộp thuế nhà thầu thay cho nhà thầu nước ngoài đối với giá trị mặt hàng máy hút bụi nêu trên. Công ty không phải kê khai, nộp thuế nhà thầu đối với phần doanh thu dịch vụ chuyển phát nhanh.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty được biết và thực hiện. //

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng KT1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, HTr(2)

53



**KT. CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Mai Sơn